

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT
NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1071/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 01 tháng 09 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH MÃ SỐ GHI TRÊN THẺ BẢO HIỂM Y TẾ

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Nghị định số 94/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
Căn cứ Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật bảo hiểm y tế;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-TC ngày 14 tháng 8 năm 2009 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế;
Xét đề nghị của Trưởng Ban Cấp sổ, thẻ,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành bộ mã số ghi trên thẻ bảo hiểm y tế (BHYT), sau đây gọi tắt là mã thẻ BHYT. Mã thẻ BHYT nhằm mục đích phân loại, thống kê đối tượng tham gia BHYT; là căn cứ xác định quyền lợi của người tham gia BHYT khi khám bệnh, chữa bệnh BHYT phù hợp với phương thức quản lý hiện nay và dần ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý.

Điều 2. Mã thẻ BHYT gồm 15 ký tự, được chia thành 06 ô:

				X	XX
X		X	X	XX	XXX

1. Hai ký tự đầu (ô thứ nhất): được ký hiệu bằng chữ (theo bảng chữ cái latin), là mã đối tượng tham gia BHYT, cụ thể:

1.1. Nhóm 1:

- DN: Người lao động, kể cả lao động là người nước ngoài, làm việc trong các doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư.

- HX: Người lao động, kể cả lao động là người nước ngoài, làm việc trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

- CH: Người lao động, kể cả lao động là người nước ngoài, làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội – nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác.

- NN: Người lao động, kể cả lao động là người nước ngoài, làm việc trong các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên tham gia có quy định khác.

- TK: Người lao động, kể cả lao động là người nước ngoài, làm việc trong các tổ chức khác có sử dụng lao động được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- HC: Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- XK: Người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật về cán bộ công chức; cán bộ dân số gia đình và trẻ em ở xã, phường và thị trấn theo Quyết định số 240/2006/QĐ-TTg ngày 25/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Nhóm 2:

- CA: Sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ và sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên môn, kỹ thuật, hạ sỹ quan, chiến sỹ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân.

1.3. Nhóm 3:

- HT: Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

1.4. Nhóm 4:

- TB: Người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

1.5. Nhóm 5:

- MS: Người đã thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước; công nhân cao su nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 206/CP ngày 30/5/1979 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ).

1.6. Nhóm 6:

- XB: Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng.

1.7. Nhóm 7:

- XN: Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp từ Ngân sách Nhà nước hàng tháng bao gồm các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của

Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) và Quyết định số 111/HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ).

1.8. Nhóm 8:

- TN: Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

1.9. Nhóm 9:

- CC: Người có công với cách mạng quy định tại khoản 9, Điều 12 Luật BHYT, bao gồm: người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên.

- CK: Người có công với cách mạng quy định tại khoản 9, Điều 12 Luật BHYT còn lại, ngoài các đối tượng được cấp mã CC.

1.10. Nhóm 10:

- CB: Cựu chiến binh đã tham gia kháng chiến từ ngày 30/4/1975 trở về trước theo quy định tại khoản 6, điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

1.11. Nhóm 11:

- KC: Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước bao gồm các đối tượng quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

1.12. Nhóm 12:

- HD: Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm.

1.13. Nhóm 13:

- BT: Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ.

1.14. Nhóm 14:

- HN: Người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.15. Nhóm 15:

- TC: Thân nhân của người có công với cách mạng thực hiện theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

1.16. Nhóm 16:

- TQ: Thân nhân sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc Quân đội nhân dân đang tại ngũ; hạ sỹ quan binh sỹ đang phục vụ trong Quân đội nhân dân.

- TA: Thân nhân sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ và sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên môn, kỹ thuật đang công tác trong lực lượng Công an nhân dân; hạ sỹ quan, chiến sỹ công an nhân dân phục vụ có thời hạn.

- TY: Thân nhân sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp đang làm công tác cơ yếu tại Ban Cơ yếu Chính phủ và người đang làm công tác cơ yếu hưởng lương theo bảng lương cấp bậc, quân hàm sỹ quan Quân đội nhân dân và bảng lương quân nhân chuyên nghiệp thuộc Quân đội nhân dân nhưng không phải là quân nhân, công an nhân dân.

1.17. Nhóm 17:

- TE: Trẻ em dưới 6 tuổi.

1.18. Nhóm 18:

- HG: Người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật về hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác.

1.19. Nhóm 19:

- LS: Người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam được cấp học bổng từ ngân sách của Nhà nước Việt Nam.

1.20. Nhóm 20:

- CN: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.21. Nhóm 21:

- HS: Học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1.22. Nhóm 22:

- GD: Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp.

1.23. Nhóm 23:

- TL: Thân nhân của người lao động quy định tại khoản 1, Điều 12 Luật BHYT bao gồm: bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc chồng; bố, mẹ nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp mà người lao động có trách nhiệm nuôi dưỡng và sống trong cùng hộ gia đình.

1.24. Nhóm 24:

- XV: Xã viên hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể.

1.25. Nhóm 25:

- NO: Người lao động nghỉ việc đang hưởng chế độ ốm đau theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội do mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Một ký tự tiếp theo (ô thứ 2): được ký hiệu bằng số (theo số thứ tự từ 1 đến 9), quy định mức hưởng BHYT, cụ thể.

- Ký hiệu bằng số 1: Được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh, kể cả khi sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn. Được hưởng chi phí vận chuyển trong trường hợp cấp cứu hoặc khi đang điều trị nội trú phải chuyển lên tuyến chuyên môn kỹ thuật cao hơn, bao gồm các đối tượng có ký hiệu là CC, TE.

- Ký hiệu bằng số 2: Được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; 100% chi phí khi sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn, nhưng không vượt quá 40 tháng lương tối thiểu cho một lần sử dụng dịch vụ. Được hưởng chi phí vận chuyển trong trường hợp cấp cứu hoặc khi đang điều trị nội trú phải chuyển lên tuyến chuyên môn kỹ thuật cao hơn, đối tượng hưởng có ký hiệu là CK.

- Ký hiệu bằng số 3: Được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; 100% chi phí khi sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn, nhưng không vượt quá 40 tháng lương tối thiểu cho một lần sử dụng dịch vụ, đối tượng hưởng có ký hiệu là CA.

- Ký hiệu bằng số 4: Được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến xã và chi phí khám bệnh, chữa bệnh thấp hơn 15% mức lương tối thiểu; 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; 95% chi phí khi sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn, nhưng không vượt quá 40 tháng lương tối thiểu cho một lần sử dụng dịch vụ. Được hưởng chi phí vận chuyển trong trường hợp cấp cứu hoặc khi đang điều trị nội trú phải chuyển lên tuyến chuyên môn kỹ thuật cao hơn, bao gồm các đối tượng có ký hiệu là BT, HN.

- Ký hiệu bằng số 5: Được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến xã và chi phí khám bệnh, chữa bệnh thấp hơn 15% mức lương tối thiểu; 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; 95% chi phí khi sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn, nhưng

không vượt quá 40 tháng lương tối thiểu cho một lần sử dụng dịch vụ, đối tượng hưởng có ký hiệu là HT.

- Ký hiệu bằng số 6: Được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến xã và chi phí khám bệnh, chữa bệnh thấp hơn 15% mức lương tối thiểu; 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; 80% chi phí khi sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn, nhưng không vượt quá 40 tháng lương tối thiểu cho một lần sử dụng dịch vụ. Được hưởng chi phí vận chuyển trong trường hợp cấp cứu hoặc khi đang điều trị nội trú phải chuyển lên tuyến chuyên môn kỹ thuật cao hơn, đối tượng hưởng có ký hiệu là CN.

- Ký hiệu bằng số 7: Được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến xã và chi phí khám bệnh, chữa bệnh thấp hơn 15% mức lương tối thiểu; 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; 80% chi phí khi sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn, nhưng không vượt quá 40 tháng lương tối thiểu cho một lần sử dụng dịch vụ, bao gồm các đối tượng có ký hiệu còn lại.

Trường hợp tham gia ở một nhóm đối tượng, nhưng được hưởng quyền lợi ở một nhóm đối tượng khác cao hơn, thì mã đối tượng ghi theo đối tượng đóng BHYT, mã quyền lợi ghi theo mức hưởng cao hơn.

3. Hai ký tự tiếp theo (ô thứ 3): được ký hiệu bằng số (từ 01 đến 99) là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi phát hành thẻ BHYT (theo mã tỉnh, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và công văn số 628/TCTK-PPCĐ ngày 06/8/2009 của Tổng cục Thống kê).

4. Hai ký tự tiếp theo (ô thứ 4): được ký hiệu bằng số (từ 01 đến 99) là mã quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, nơi quản lý đầu mối của người tham gia BHYT (theo thứ tự huyện quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg và công văn số 628/TCTK-PPCĐ). Riêng đối tượng do tỉnh trực tiếp thu có ký hiệu 00.

5. Ba ký tự tiếp theo (ô thứ 5): được ký hiệu bằng số (từ 001 đến 999) là mã đơn vị quản lý, theo địa giới hành chính và theo loại đối tượng. Trong đó, đối tượng do xã quản lý (bao gồm cả người lao động làm việc trong tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh cá thể), lấy ký tự đầu ký hiệu bằng số 9 (901, 999).

6. Năm ký tự cuối (ô thứ 6): được ký hiệu bằng số (theo số tự nhiên từ 00001 đến 99999), là số thứ tự của người tham gia BHYT trong 01 đơn vị.

Điều 3. Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do người tham gia BHYT đăng ký: gồm 05 ký tự bằng số, được in sau tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban đầu:

1. Hai ký tự đầu: được ký hiệu bằng số (từ 01 đến 99) là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban đầu đóng trụ sở (lấy theo mã tỉnh, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg và công văn số 628/TCTK-PPCĐ).

2. Ba ký tự cuối: được ký hiệu bằng số (từ 001 đến 999), là số thứ tự cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 4459/QĐ-BHXH ngày 11 tháng 11 năm 2005 và Quyết định số 2550/QĐ-BHXH ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2009.

Điều 5. Trung tâm Thông tin Bảo hiểm xã hội Việt Nam căn cứ mã thẻ quy định tại Quyết định này để xây dựng hoặc đề xuất việc xây dựng phần mềm quản lý đối tượng và in thẻ BHYT; Trưởng Ban Cấp sổ, thẻ, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Y tế, LĐTBXH, Tài chính, Nội vụ;
- HDQL – BHXH Việt Nam;
- TGD, các Phó TGD;
- Lưu: VT, CST (08b).

Lê Bạch Hồng